TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST Ngày 16-6-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Dịu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh;

Bà Pn Thị Minh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa*:* Bà Phạm Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị V, sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 7, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 1, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Sĩ P, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn 7, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 10 tháng 4 năm 2023 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Đỗ Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện chung sống với anh Nguyễn Sĩ P từ đầu năm 2012 nhưng đến ngày 21/6/2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận

kết hôn số 52). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh P không có lập trường vững vàng, luôn nghe theo ý kiến của người thân mà không tôn trọng ý kiến của chị, kinh tế không minh bạch, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình và thôn xóm khuyên giải nhưng không có kết quả nên chị phải bỏ về nhà mẹ đẻ ở tại thôn 1, xã K1 từ tháng 9 năm 2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đó không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh P.

Về con chung: Anh chị có hai con sinh đôi là Nguyễn Sĩ L, sinh ngày 21/12/2012 và Nguyễn Sĩ N, sinh ngày 21/12/2012, hiện đang do anh P nuôi dưỡng. Do chị làm công nhân, thường xuyên phải đi sớm về muộn, không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng các con tốt về mọi mặt. Vì vậy, chị đồng ý giao cả hai con cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi; chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh P mỗi cháu 1.000.000đ (một triệu đồng)/ 1 tháng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27 tháng 4 năm 2023, anh Nguyễn Sĩ P trình bày thống nhất với chị V về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 5 năm 2019 do bất đồng quan điểm sống, chị V không biết đối nhân xử thế, không quan tâm đến gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh chị sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh đồng ý ly hôn chị V.

Về con chung: Anh chị có hai con chung như chị V đã trình bày, nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến khi các cháu đủ 18 tuổi; yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con cho anh P mỗi cháu 1.000.000đ (một triệu đồng)/ 01 tháng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; anh P vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị V giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị V; cho chị Đỗ Thị V được ly hôn anh Nguyễn Sĩ P.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Sĩ L, sinh ngày 21/12/2012 và cháu Nguyễn Sĩ N, sinh ngày 21/12/2012 cho anh Nguyễn Sĩ P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh P mỗi cháu 1.000.000 đồng)/1 tháng.

- Về tài sản, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị V xin ly hôn anh Nguyễn Sĩ P và yêu cầu giải quyết nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện K. Anh P đang cư trú tại xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Anh Nguyễn Sĩ P (là bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị V xin ly hôn anh Nguyễn Sĩ P; căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã K1 cung cấp thì hôn nhân của chị Đỗ Thị V và anh Nguyễn Sĩ P là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn từ giữa năm 2019, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất trong việc làm kinh tế xây dựng gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Như vậy đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; yêu cầu xin ly hôn của chị V có cơ sở chấp nhận nên xử cho chị V được ly hôn anh P là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của anh P tại bản khai và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Sĩ L, sinh ngày 21/12/2012; Nguyễn Sĩ N, sinh ngày 21/12/2012 đang do anh P nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị V và anh P đều có nguyện vọng thống nhất anh P trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của các bên đương sự và trên cơ sở cung cấp thông tin của chính quyền xã K1 thì anh P làm nghề thợ xây, thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/1 tháng, có chỗ ở ổn định, từ khi chị V bỏ về mẹ đẻ ở, anh P chăm sóc các cháu rất tốt, mặt khác nguyện vọng của hai cháu được ở với anh P. Do đó cần giao cháu L, cháu N cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; chị V làm công nhân thu nhập trung bình 7.000.000 đồng/tháng, chị tự nguyện nhận cấp dưỡng nuôi con chung cho anh P mỗi cháu 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, cũng như yêu cầu của anh P là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, được chấp nhận.

[5] Về tài sản, công nợ: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đỗ Thị V không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị V được ly hôn anh Nguyễn Sĩ P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Sĩ L, sinh ngày 21/12/2012 và cháu Nguyễn Sĩ N, sinh ngày 21/12/2012 cho anh Nguyễn Sĩ P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh P mỗi cháu 1.000.000đ (một triệu đồng)/1 tháng, tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Đỗ Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Nguyễn Sĩ P mà chị Đỗ Thị V chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001916 ngày 19 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị V còn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị V có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Sĩ P có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã K1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dịu